

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Ông Nguyễn Hữu Đăng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 192/2018/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Phương A và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B, Nguyễn Anh C, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Phương A** (tên gọi khác: **A1**) – Sinh năm 1993, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn A2, xã A3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn A4 (sinh năm 1955) và bà Nguyễn Thị A5 (sinh năm 1963); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Đức B** (tên gọi khác: **B3**) – Sinh năm 1988, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn A2, xã A3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức B1 (sinh năm 1957) và bà Nguyễn Thị B2 (sinh năm 1963); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/6/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có

mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Anh C** (tên gọi khác: **C1**) – Sinh năm 1993, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Thôn C2, xã A3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng C3 (chết) và bà Nguyễn Thị C4 (sinh năm 1973); vợ: Lê Minh C5 (sinh năm 1996), có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/02/2013.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/7/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Nguyễn Quốc D** (tên gọi khác: **D1**) – Sinh năm 1979, tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố D2, thị trấn D3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt D4 (sinh năm 1954) và bà Mai Thị D5 (sinh năm 1954); vợ: Nguyễn Thị Kim Hoa (sinh năm 1987), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/4/1998, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

- Ngày 28/11/2001, bị Tòa CĐc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản của công dân*”.

- Ngày 03/9/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội “*Trốn khỏi nơi giam*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/4/2009.

- Ngày 20/4/2012, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2014, đã đóng án phí.

- Ngày 29/5/2017, bị Ủy ban nhân dân thị trấn D3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về lĩnh vực an ninh trật tự.

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/5/2018 tại Nhà tạm giữ Công an huyện G. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Quốc Đ** – Sinh năm 1987 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: Tổ dân phố D2, thị trấn D3, huyện G, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Việt D4 (sinh năm 1954) và bà Mai Thị D5 (sinh năm

1954); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/02/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện D6, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

6. **Nguyễn Tấn E** (tên gọi khác: **E1**) – Sinh năm 1991, tại Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn E2, xã E3, huyện E4, tỉnh CD Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn E5 (sinh năm 1960) và bà Võ Thị E6 (sinh năm 1962); vợ Nguyễn Thị E7 (sinh năm 1992), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/01/2017, Lê Đức H (ở thị trấn D3) và Nguyễn Trương I (ở xã A3) đi trên Quốc lộ 1A gặp mặt nhau. I cho rằng H “nhìn đều” mình nên I chạy theo H đến quán nét K tại thị trấn D3, huyện G gây sự với H, rồi dùng 01 khẩu súng bắn đạn bi (chưa rõ loại súng) bắn vào chân H gây thương tích, rồi bỏ đi. Sau đó, I gọi điện cho Nguyễn Phương A thông báo mình vừa chạm mặt với nhóm của D1 ở D3. Nghe điện thoại, A cùng với Nguyễn Anh C và I quay lại quán nét tìm H nhưng không gặp nên bỏ đi. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A, trước trường L thì cả nhóm bị một số thanh niên (không rõ họ tên) ném đá, rượt đuổi. I điều khiển xe mô tô bỏ chạy đến đoạn gần ngã 3 thôn M1, xã M2 thì bị ngã xuống đường làm gãy chân.

Cho rằng I bị thương là do nhóm của Nguyễn Quốc D (tức D1) gây ra nên A, C quyết định đi tìm đánh lại để trả thù. A gọi điện cho Lưu Bình N, Nguyễn Quốc O, Nguyễn Đức B (B3) vào thị trấn D3 hỗ trợ. Khi N nhận được tin thì N rủ thêm Lưu Hữu S, Nguyễn Đức P (P1), Nguyễn Ngọc Q và Huỳnh Tấn R. N đi lấy 02 cây rựa, 02 cây gậy và nói P đi lấy 02 cây rựa rồi bỏ tất cả số hung khí trên vào 01 bao ni lông màu trắng, cả nhóm điều khiển xe mô tô chở nhau đi đến ngã 3 xã Cam Hải (trên đường U1, thị trấn D3). Tại ngã 3 Cam Hải thì N, P (P1), Q, S và R gặp A, B (B3), C và O. Sau khi nói chuyện, cả nhóm chia nhau số hung khí mang theo. B (B3) cầm mác, N cầm cây, A, C, O mỗi người cầm 01 cây rựa. Cả nhóm bàn nhau qua xã T để tìm nhóm D.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm A gồm 09 người đi trên 04 xe mô tô từ Quốc lộ 1A theo đường U1 xuống U2, rồi đi dọc đầm U3 rẽ lên khu tái định cư thuộc thôn U3, xã T, huyện G. Cùng lúc này, nhóm của D có Trần Đình V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79Z1 – 160.47 chở Trần Minh X; Nguyễn Quốc

Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79Z1 – 220.14 chở Nguyễn Quốc D, Nguyễn Tấn E; Lê Đức H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 79Z1 – 217.83 chở Nguyễn Ngọc Trần Hoàng Y, Dương Thành AB; Nguyễn Xuân BC điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 58PA – 1389 chở Nguyễn Trọng CD, Ngô Nguyễn Văn DE chạy từ hướng T đi lên. V điều khiển xe chạy phía trước và phát hiện ra nhóm của A nên V vòng xe lại thông báo cho cả nhóm đang chạy ở phía sau biết, đồng thời điều khiển xe chở X bỏ chạy. Nghe V thông báo, nhóm D dừng xe lại, D nói CD bỏ hung khí ra. CD hoảng sợ bỏ bao ni lông đựng hung khí xuống đất rồi cùng H, N, AB, BC, DE bỏ xe lại và chạy thoát, còn D, Đ và E mỗi người cầm một con dao tự chế. Phát hiện ra nhóm của D nên B (B3) cầm mác, A, C, O cầm rựa, N cầm cây, R, Q nhặt đá. Tất cả cùng nhau xông vào đánh, chém nhóm của D. D, Đ và E cũng dùng hung khí tự chế đánh lại nhóm của A. Trong quá trình đánh nhau thì Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Đức B (B3) và Nguyễn Tấn E bị thương tích. Đ, B (B3) được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa, E được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa thành phố CR.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 24/TgT ngày 22/02/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tỷ lệ thương tật của Nguyễn Quốc Đ là 48%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 162/TgT ngày 12/7/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tỷ lệ thương tật của Nguyễn Đức B (B3) là 16%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 177/TgT ngày 02/8/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tỷ lệ thương tật của Nguyễn Tấn E là 06%.

Đối với Nguyễn Quốc O, sau khi khởi tố bị can, O đã bỏ trốn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã ra quyết định truy nã.

Đối với Nguyễn Ngọc Trần Hoàng Y, Nguyễn Xuân BC, Dương Thành AB, Nguyễn Trọng CD, Lê Đức H, Trần Đình V, Trần Minh X, Ngô Văn DE là những người đi cùng với Nguyễn Quốc D khi xảy ra đánh nhau đều ko tham gia nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không khởi tố bị can.

Đối với 03 chiếc xe mô tô BKS: 79Z1-220.14, 79Z1-217.83, 58PA-1378 của bên nhóm Nguyễn Quốc D bị hư hỏng với giá trị thiệt hại là 5.896.000 đồng. Qua điều tra, không xác định được đối tượng đã gây ra thiệt hại nên Công an huyện G không khởi tố để điều tra.

Đối với khẩu súng mà Nguyễn Trương I dùng bắn Lê Đức H gây thương tích, I khai bị rơi mất. Quá trình điều tra cũng không đủ cơ sở để kết luận loại súng gì nên không có cơ sở xử lý I. Riêng Lê Đức H bị thương tích nhưng H không lấy giấy chứng thương và không giám định tỷ lệ thương tật nên các cơ

quan tiên hành tố tụng không xem xét.

Đối với tỷ lệ thương tích của Nguyễn Tấn E là 6%, trong quá trình điều tra Nguyễn Tấn E không yêu cầu khởi tố những người đã gây thương tích cho mình nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an huyện G không khởi tố điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2018/HS-ST ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Phương A 06 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2017.

- Bị cáo Nguyễn Đức B (B3) 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2017.

- Bị cáo Nguyễn Anh C (C1) 05 năm 03 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2017.

2. Căn cứ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2018.

3. Căn cứ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội,

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Quốc Đ 01 năm 09 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo Nguyễn Tấn E 01 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án quyết định xử phạt bị cáo Lưu Bình N 05 năm 06 tháng tù, bị cáo Huỳnh Tấn R 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Ngọc Q 04 năm tù, bị cáo Nguyễn Đức P (P1) 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Lưu Hữu S 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo cùng về tội “*Cố ý gây thương tích*” nhưng các bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; quyết định về trách nhiệm dân sự, vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 29/10/2018, các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B (B3), Nguyễn Quốc D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 31/10/2018, bị cáo Nguyễn Tấn E kháng cáo xin hưởng án treo;

Ngày 01/11/2018, bị cáo Nguyễn Quốc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Ngày 05/11/2018, bị cáo Nguyễn Anh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung của bản án sơ thẩm đã nêu. Cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm đã tuyên xử là thỏa đáng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, thấy không phát sinh tình tiết nào khác nên không có cơ sở để xem xét kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ, Nguyễn Tấn E trình bày: Qua lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát cho thấy chưa có sự phân hóa vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo có quan hệ là anh em ruột với nhau, nhóm của bị cáo D thực chất là nhóm bị hại, phạm tội do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng. Thiệt hại đối với nhóm bị hại, thương tích của bị cáo Đ là rất nặng tỷ lệ thương tích là 48%.

- Đối với bị cáo D phạm tội do không còn cách nào khác vì bị nhóm của bị cáo A tấn công. Tính chất hành vi tấn công của nhóm A mạnh hơn, hung khí và con người cũng nhiều hơn. Hành vi phạm tội của bị cáo D có mức độ, có thể chỉ xử phạt bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt, nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là nghiêm khắc.

- Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ do bị nhóm A tấn công và chém bị cáo bị thương tích, nên bị cáo phải đánh chống trả lại theo bản năng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Nguyễn Tấn E là nhân dân lao động, đi vào G làm thuê, tham gia hành vi phạm tội cũng do tình thế bắt buộc (chờ anh vợ chở về nhà). Tính chất phạm tội của bị cáo hoàn toàn bị động, không gây thương tích cho ai, mà bản thân lại bị thương tích, bị chém vào tai nên bỏ chạy. Vai trò đồng phạm của bị cáo rất mờ nhạt; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở để xem xét.

* Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vì cho rằng Nguyễn Trương I bị thương là do nhóm của Nguyễn Quốc D gây ra, nên A đã rủ C và các bị cáo khác đi tìm đánh nhóm D để trả thù. A gọi điện thoại cho Lưu Bình N, Nguyễn Quốc O, Nguyễn Đức B (B3); N rủ thêm Lưu Hữu S, Nguyễn Đức P (P1), Nguyễn Ngọc Q và Huỳnh Tấn R. N và P (P1) đi lấy hung khí. Sau đó cả nhóm chia nhau số hung khí mang theo. B (B3) cầm mác, N cầm cây, A, C, O mỗi người cầm 01 cây rựa và bàn nhau qua xã T để tìm đánh nhóm của D.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, nhóm của A gồm có 09 người đi trên 04 xe mô tô khi đi đến khu tái định cư thuộc thôn U3, xã T, huyện G thì gặp nhóm của D. Huy (B3) cầm mác, A, C, O cầm rựa, N cầm cây, R, Q nhặt đá. Tất cả cùng nhau xông vào ném đá, đánh nhóm của D và chém Nguyễn Quốc Đ bị nhiều thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 48% và Nguyễn Tấn E bị thương. Nhóm của D, Đ và E bị nhóm của A tấn công, nhưng cũng sử dụng hung khí mang theo là rựa, dao và mác tự chế đánh lại nhóm của A, gây thương tích cho Nguyễn Đức B (B3) với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16%

Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B, Nguyễn Anh C về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm c khoản 3 (viện dẫn điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 (viện dẫn điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B và Nguyễn Anh C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chỉ vì nghi ngờ Nguyễn Trương I bị thương là do nhóm của Nguyễn Quốc D gây ra, nên bị cáo A đã rủ các bị cáo khác, trong đó có bị cáo Nguyễn Đức B và bị cáo Nguyễn Anh C. Khi gặp nhóm của D, nhóm của A đã chủ động tấn công trước. Bị cáo A và C cầm rựa, bị cáo B cầm mác xông đến đánh, chém nhóm của D, gây thương tích cho Đ ở trán, thùy thái dương, gãy xương sườn, ngón tay trái và phải với tỷ lệ tổn thương cơ thể 48%. Hành vi của các bị cáo là côn đồ, hung hãn và rất nguy hiểm cho xã hội, vô cớ dùng hung khí nguy hiểm tấn công, gây thương tích cho người khác. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và sức khỏe của người khác nên cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm để răn đe và giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Phương A là người khởi xướng hành vi phạm tội, rủ nhiều bị cáo mang theo nhiều hung khí tham gia hành vi phạm tội và thực hiện tội phạm tích cực, bị cáo trực tiếp cầm rựa xông vào đánh, chém nhóm của bị cáo D.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Đức B có vai trò là người thực hành, thực hiện tội phạm rất tích cực, bản thân bị cáo cầm mác đánh nhau với Đ và trực tiếp gây thương tích cho Đ.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Anh C có vai trò là người thực hành, trực tiếp cầm rựa tấn công nhóm D, hỗ trợ cho A, Huy và các đồng phạm khác gây thương tích cho Đ và E. Bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng không sửa đổi, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội.

Các bị cáo Nguyễn Phương A và Nguyễn Đức B và Nguyễn Anh C sau khi phạm tội đã bỏ trốn, chưa nhận thức được sai phạm và gây khó khăn cho việc điều tra vụ án.

Xét thấy, khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo A, B, C và xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm đã xử phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không đưa ra tình tiết nào khác, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E (xin hưởng án treo):

Khi nhóm của bị cáo gặp nhóm của bị cáo Nguyễn Quốc A, biết nhóm A có mang theo hung khí và có đang đuổi đánh nhóm bị cáo. Các bị cáo khai lúc đó khoảng cách giữa 2 nhóm là rất gần khoảng 10m nên không thể bỏ chạy. Nhưng thực tế, khi V (trong nhóm của D) chạy phía trước phát hiện ra nhóm của A, V đã vòng xe lại thông báo cho cả nhóm biết để kịp thời tháo chạy và một số

người trong nhóm đã bỏ chạy, chỉ có 3 bị cáo là D, Đ và E đi cùng xe là không bỏ chạy mà đứng lại và khi nghe D hô “bỏ bao hàng ra” thì 3 bị cáo đã lấy hung khí và lao vào đánh nhau với nhóm của A. Việc các bị cáo đi về nhà có mang theo hung khí và khi biết nhóm A đuổi đánh nhóm mình, mặc dù có đủ thời gian để bỏ chạy hoặc đi báo Cơ quan có thẩm quyền xử lý, can thiệp, nhưng các bị cáo không làm như vậy, mà lại lựa giải pháp đánh nhau nên không thể xem đây là trường hợp phạm tội do vượt quá giới hạn chính đáng như lời bào chữa của vị luật sư.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Quốc D: Việc bị cáo là người chủ động xuống xe và hô “bỏ hung khí xuống”, chính lời nói và hành động của bị cáo đã tác động tinh thần các bị cáo sẵn sàng tham gia đánh nhau. Bản thân bị cáo sử dụng hung khí là cây gỗ có gắn đầu kim loại để đánh nhau với nhóm của A, và là đồng phạm khi Đ gây thương tích cho Nguyễn Đức B ở trán, cằm và bàn tay phải với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 16%. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu đã nhiều lần bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, nay lại tiếp tục phạm tội, điều đó cho thấy bị cáo không có ý thức tuân thủ pháp luật và tu dưỡng bản thân. Sau khi phạm tội lại bỏ trốn nên mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp. Do đó, kháng cáo của bị cáo không có căn cứ nên không chấp nhận.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo D và các tình tiết giảm nhẹ khác và xử phạt bị cáo như cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E, trên đường đi về các bị cáo biết nhóm của mình có mang theo hung khí nên có thể biết sẽ có đánh nhau. Thực tế, khi gặp nhóm của A, D hô “bỏ hung khí ra” thì D, Đ và E mỗi người đều lấy hung khí và lao vào đánh nhau với nhóm của A. Điều đó cho thấy các bị cáo đã chuẩn bị sẵn về tinh thần nên cả ba bị cáo không ai bỏ chạy.

Trong vụ án này, bị cáo Đ và E tham gia với vai trò là người thực hành, trực tiếp tham gia đánh nhau với nhóm của A. Bị cáo Đ đánh nhau với bị cáo Nguyễn Đức B (B3) và bị Huy trực tiếp gây thương tích nên Đ đã đánh trả và trực tiếp gây thương tích cho Nguyễn Đức B. Do vậy, cấp sơ thẩm đã nhận định có một phần lỗi của người bị hại và xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là đã có sự đánh giá và xem xét khi lượng hình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, không phát sinh tình tiết mới nên không có căn cứ để thỏa mãn nội dung kháng cáo của các bị cáo.

Về án phí: Vì kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B, Nguyễn Anh C, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng điểm c khoản 3 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B và Nguyễn Anh C.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Phương A 06 (sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2017.

- Bị cáo **Nguyễn Đức B (B3) 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2017.

- Bị cáo **Nguyễn Anh C (C1) 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/7/2017.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E.

Áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Quốc Đ.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Quốc D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2018.

- Bị cáo **Nguyễn Quốc Đ 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Tổng hợp với hình phạt 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản” của bản án số 23/2019/HSPT ngày 28/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 29/6/2017 (trong vụ án “Cướp tài sản” nói trên) .

- Bị cáo **Nguyễn Tấn E 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Phương A, Nguyễn Đức B, Nguyễn Anh C, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Quốc Đ và Nguyễn Tấn E, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND huyện G;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- THADS huyện G;
- Bị cáo; Lưu HS

(đã ký)

Lê Thúy Phượng